

***Về việc tiếp nhận nhân lực nước ngoài
có kỹ năng đặc định
trong ngành sản xuất***

Tháng 11 năm 2025

1. Tổng quan về chế độ kỹ năng đặc định (lĩnh vực ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp)

2. Quy trình cho đến khi làm việc với tư cách là người nước ngoài có kỹ năng đặc định số 1

3. Về kỳ thi đánh giá kỹ năng đặc định số 1 trong lĩnh vực sản xuất

4. Về kỳ thi đánh giá kỹ năng đặc định số 2 trong lĩnh vực sản xuất

5. Về bộ phận tư vấn

- **"Kỹ năng đặc định" là tư cách lưu trú khi tiếp nhận người nước ngoài có chuyên môn và kỹ năng nhất định nhằm đối phó với tình trạng thiếu nhân lực.**
- **Đối tượng thuộc chế độ là lĩnh vực ngành công nghiệp vẫn đang trong tình trạng khó đảm bảo nhân lực dù đã thực hiện các biện pháp nâng cao năng suất và đảm bảo nhân lực trong nước.**

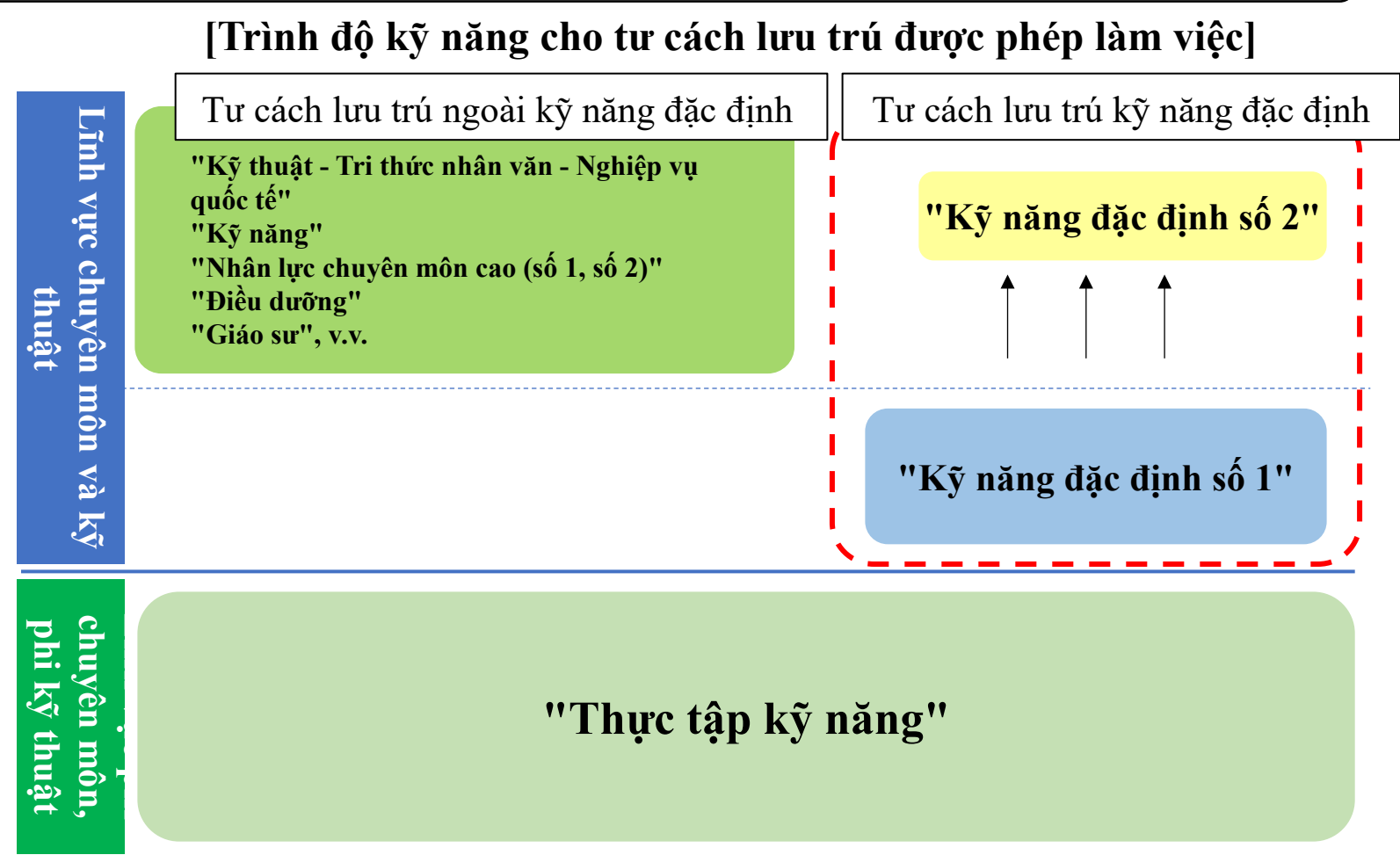
● Như một biện pháp đối phó với tình trạng thiếu nhân lực ngày càng trầm trọng, tư cách lưu trú "Kỹ năng đặc định số 1" và "Kỹ năng đặc định số 2" đã được thiết lập (thực hiện từ tháng 4 năm 2019) nhằm tiếp nhận người nước ngoài có chuyên môn và kỹ năng nhất định, có thể làm việc ngay, hạn chế trong những lĩnh vực ngành công nghiệp vẫn đang trong tình trạng khó đảm bảo nhân lực dù đã nỗ lực nâng cao năng suất và đảm bảo nhân lực trong nước

- **Kỹ năng đặc định số 1:** Tư cách lưu trú dành cho người nước ngoài tham gia công việc yêu cầu kỹ năng cần có kiến thức hoặc kinh nghiệm tương đương thuộc lĩnh vực ngành công nghiệp đặc định(*)
Số lượng người lưu trú: 333.123 người (theo số liệu sơ bộ vào cuối tháng 6 năm 2025)
- **Kỹ năng đặc định số 2:** Tư cách lưu trú dành cho người nước ngoài tham gia công việc yêu cầu kỹ năng thành thạo thuộc lĩnh vực ngành công nghiệp đặc định.
Số lượng người lưu trú: 3.073 người (theo số liệu sơ bộ vào cuối tháng 6 năm 2025)

Lĩnh vực ngành công nghiệp kỹ năng đặc định: Chăm sóc điều dưỡng, vệ sinh tòa nhà, ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp, xây dựng, công nghiệp đóng tàu và thiết bị hàng hải, bảo dưỡng ô tô, hàng không, dịch vụ lưu trú, ngành vận tải ô tô, đường sắt, nông nghiệp, ngư nghiệp, ngành sản xuất thực phẩm và đồ uống, (16 lĩnh vực) Ngành phục vụ ăn uống, lâm nghiệp, ngành công nghiệp gỗ
(Màu đỏ là có thể chấp nhận cả kỹ năng đặc định số 1 và số 2. Màu đen là chỉ có thể chấp nhận kỹ năng đặc định số 1.)

Điểm chính của kỹ năng đặc định số 1	
Thời gian lưu trú	Gia hạn cho từng thời hạn do Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ định cho từng người nước ngoài trong phạm vi không quá 1 năm (tổng cộng tối đa 5 năm)
Trình độ kỹ năng	Kiểm tra thông qua thi, v.v. (người nước ngoài đã hoàn thành khóa thực tập kỹ năng số 2 được miễn thi, v.v.)
Trình độ năng lực tiếng Nhật	Kiểm tra thông qua thi (N4, v.v.) (người đã hoàn thành khóa thực tập kỹ năng số 2 được miễn) *Các lĩnh vực chăm sóc điều dưỡng, ngành vận tải ô tô (taxi, xe buýt) và đường sắt (nhân viên vận tải) có các yêu cầu riêng biệt
Đi cùng gia đình	Về cơ bản không chấp nhận
Hỗ trợ	Đối tượng được cơ quan tiếp nhận hoặc cơ quan hỗ trợ đăng ký hỗ trợ

Điểm chính của kỹ năng đặc định số 2	
Thời gian lưu trú	Gia hạn mỗi 3 năm, 1 năm hoặc 6 tháng (không giới hạn số lần gia hạn)
Trình độ kỹ năng	Kiểm tra thông qua thi, v.v.
Trình độ năng lực tiếng Nhật	Về nguyên tắc không kiểm tra thông qua thi, v.v. (trừ lĩnh vực ngư nghiệp và ngành phục vụ ăn uống (N3)).
Đi cùng gia đình	Nếu đáp ứng các yêu cầu thì có thể (vợ/chồng, con cái)
Hỗ trợ	Không thuộc đối tượng được cơ quan tiếp nhận hoặc cơ quan hỗ trợ đăng ký hỗ trợ



(Nguồn) Trang web của Cơ quan Quản lý Xuất nhập cảnh và Lưu trú <https://www.moj.go.jp/isa/content/001445726.pdf>

1-1. Tổng quan về chế độ kỹ năng đặc định (lĩnh vực ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp) (2/2)

Dùng chung cho số 1 và số 2

	1. Tình trạng thiếu nhân lực	2. Tiêu chuẩn nhân lực		3. Các vấn đề quan trọng khác			Ghi chú
	Số lượng dự kiến (Số lượng tối đa trong 5 năm)	Kỳ thi kỹ năng	Kỳ thi tiếng Nhật	Công việc mà nhân lực nước ngoài có kỹ năng đặc định có thể tham gia	Điều kiện đặc biệt áp dụng cho cơ quan tiếp nhận, v.v.	Hình thức tuyển dụng	
Số 1	173.300 người (5 năm kể từ tháng 4 năm 2024)	Kỳ thi đánh giá kỹ năng đặc định số 1 trong lĩnh vực sản xuất *1)	(một trong các kỳ thi sau) ① JFT-Basic của Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản ② Kỳ thi năng lực tiếng Nhật (N4 trở lên) *1)	Tất cả 10 hạng mục ① Hạng mục Gia công kim loại máy móc ② Hạng mục Lắp ráp thiết bị điện và điện tử ③ Hạng mục Xử lý bề mặt kim loại ④ Hạng mục Sản xuất đồ đựng bằng giấy/thùng carton ⑤ Hạng mục Sản xuất sản phẩm bê tông ⑥ Hạng mục Sản xuất RPF ⑦ Hạng mục Sản xuất sản phẩm gốm sứ ⑧ Hạng mục In ấn/đóng sách ⑨ Hạng mục Sản xuất sản phẩm dệt may ⑩ Hạng mục May mặc	Tham gia vào "Hội thảo luận, liên lạc về tiếp nhận nhân lực nước ngoài có kỹ năng đặc định trong ngành sản xuất" và hợp tác trong việc nắm bắt, phân tích thông tin, v.v.		*1) <u>Người đã hoàn thành tốt khóa thực tập kỹ năng số 2</u> , đáp ứng các trình độ kỹ năng và năng lực tiếng Nhật cần thiết, <u>được miễn thi kỹ năng và thi năng lực tiếng Nhật</u> .
Số 2	Không có hạn chế	1. Lộ trình kỳ thi đánh giá kỹ năng đặc định số 2 trong lĩnh vực sản xuất ① Business Career Kentei cấp 3 ② Kỳ thi đánh giá kỹ năng đặc định số 2 ③ Có ít nhất 3 năm kinh nghiệm làm việc thực tế tại nơi làm việc trong ngành sản xuất của doanh nghiệp có chi nhánh tại Nhật Bản *2) 2. Lộ trình kiểm tra kỹ năng *3)	Về nguyên tắc, không cần kiểm tra thông qua thi, v.v.			Trực tiếp	*2) Một trong hai hạng mục của Business Career Kentei: lập kế hoạch quản lý sản xuất và vận hành quản lý sản xuất *3) Có cả chứng chỉ kỳ thi kỹ năng cấp 1 và ít nhất 3 năm kinh nghiệm làm việc thực tế tại nơi làm việc trong ngành sản xuất của doanh nghiệp có chi nhánh tại Nhật Bản

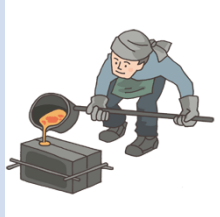
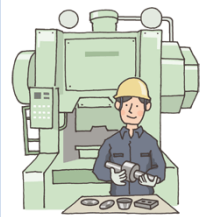




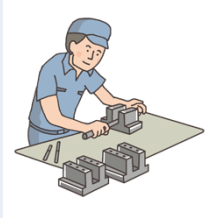





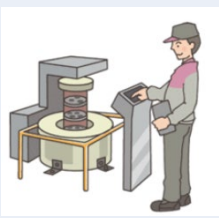
1-2. Hạng mục công việc mà người nước ngoài có kỹ năng đặc định trong lĩnh vực ngành sản xuất có thể tham gia (1/10)

Dùng chung cho số 1 và số 2

[Hạng mục Gia công kim loại máy móc]

Hiểu rõ chỉ thị của người hướng dẫn hoặc dựa trên phán đoán của bản thân để tham gia vào công việc trong công đoạn sản xuất các sản phẩm vật liệu định hình sơ bộ, máy móc công nghiệp, v.v.

◇ Kỹ năng bao gồm

Đúc		Rèn		Đúc áp lực		Gia công cơ khí		Gia công dập kim loại	
Chế tạo đồ sắt		Gia công tấm kim loại		Xử lý hoàn thiện		Kiểm tra máy móc		Bảo trì máy móc	
Lắp ráp thiết bị điện		Đúc nhựa		Sơn		Hàn		Đóng gói công nghiệp	
Đúc nhựa gia cường		Ngành xử lý nhiệt kim loại							

Trích từ "Hướng dẫn vận dụng chế độ liên quan đến tư cách lưu trú kỹ năng đặc định trong lĩnh vực ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp" (sửa đổi một phần vào ngày 26 tháng 5 năm 2025)


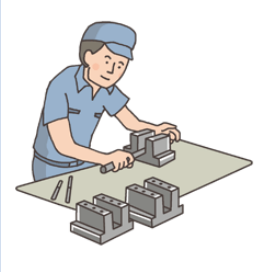

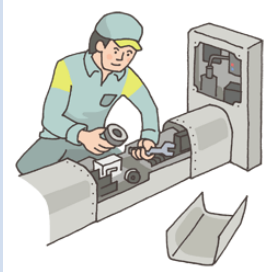
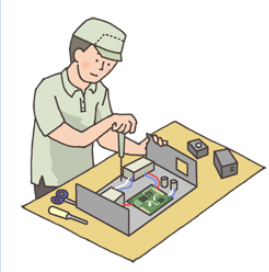





1-2. Hạng mục công việc mà người nước ngoài có kỹ năng đặc định trong lĩnh vực ngành sản xuất có thể tham gia (2/10)

Dùng chung cho số 1 và số 2

[Hạng mục Lắp ráp thiết bị điện và điện tử]

Hiểu rõ chỉ thị của người hướng dẫn hoặc dựa trên phán đoán của bản thân để tham gia vào công việc trong công đoạn sản xuất, công đoạn lắp ráp thiết bị điện và điện tử, v.v.

◇ Kỹ năng bao gồm

Gia công cơ khí		Xử lý hoàn thiện		Kiểm tra máy móc		Bảo trì máy móc		Lắp ráp thiết bị điện tử	
Lắp ráp thiết bị điện		Chế tạo bảng mạch in		Đúc nhựa		Đóng gói công nghiệp		Đúc nhựa gia cường	

Trích từ "Hướng dẫn vận dụng chế độ liên quan đến tư cách lưu trú kỹ năng đặc định trong lĩnh vực ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp" (sửa đổi một phần vào ngày 26 tháng 5 năm 2025)

1-2. Hạng mục công việc mà người nước ngoài có kỹ năng đặc định trong lĩnh vực ngành sản xuất có thể tham gia (3/10)

Dùng chung cho số 1 và số 2

[Hạng mục Xử lý bề mặt kim loại]

Hiểu rõ chỉ thị của người hướng dẫn hoặc dựa trên phán đoán của bản thân để tham gia vào công việc xử lý bề mặt, v.v.

◇ Kỹ năng bao gồm

Mạ



Xử lý Anot hóa nhôm



Trích từ "Hướng dẫn vận dụng chế độ liên quan đến tư cách lưu trú kỹ năng đặc định trong lĩnh vực ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp" (sửa đổi một phần vào ngày 26 tháng 5 năm 2025)

1-2. Hạng mục công việc mà người nước ngoài có kỹ năng đặc định trong lĩnh vực ngành sản xuất có thể tham gia (4/10)

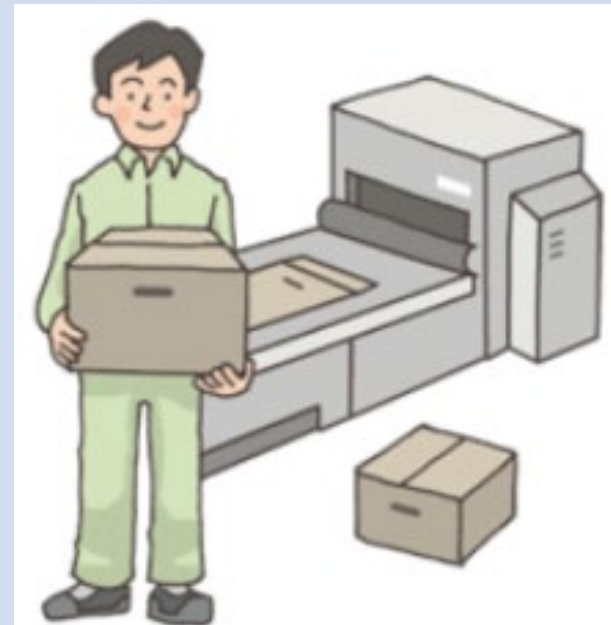
Số 1

[Hạng mục Sản xuất đồ đựng bằng giấy/thùng carton]

Hiểu rõ chỉ thị của người hướng dẫn hoặc dựa trên phán đoán của bản thân để tham gia vào công việc trong công đoạn sản xuất đồ đựng bằng giấy/thùng carton

◇ Kỹ năng bao gồm

Sản xuất đồ đựng bằng giấy/thùng carton



Trích từ "Hướng dẫn vận dụng chế độ liên quan đến tư cách lưu trú kỹ năng đặc định trong lĩnh vực ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp" (sửa đổi một phần vào ngày 26 tháng 5 năm 2025)

1-2. Hạng mục công việc mà người nước ngoài có kỹ năng đặc định trong lĩnh vực ngành sản xuất có thể tham gia (5/10)

Số 1

[Hạng mục Sản xuất sản phẩm bê tông]

Hiểu rõ chỉ thị của người hướng dẫn hoặc dựa trên phán đoán của bản thân để tham gia vào công việc trong công đoạn sản xuất sản phẩm bê tông

◇ Kỹ năng bao gồm

Sản xuất sản phẩm bê tông



Trích từ "Hướng dẫn vận dụng chế độ liên quan đến tư cách lưu trú kỹ năng đặc định trong lĩnh vực ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp" (sửa đổi một phần vào ngày 26 tháng 5 năm 2025)

1-2. Hạng mục công việc mà người nước ngoài có kỹ năng đặc định trong lĩnh vực ngành sản xuất có thể tham gia (6/10)

Số 1

[Hạng mục Sản xuất RPF]

Hiểu rõ chỉ thị của người hướng dẫn hoặc dựa trên phán đoán của bản thân để tham gia vào công việc nghiên, tạo hình, v.v.

◇ Kỹ năng bao gồm

Sản xuất RPF



Trích từ "Hướng dẫn vận dụng chế độ liên quan đến tư cách lưu trú kỹ năng đặc định trong lĩnh vực ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp" (sửa đổi một phần vào ngày 26 tháng 5 năm 2025)

1-2. Hạng mục công việc mà người nước ngoài có kỹ năng đặc định trong lĩnh vực ngành sản xuất có thể tham gia (7/10)

Số 1

[Hạng mục Sản xuất sản phẩm gốm sứ]

Hiểu rõ chỉ thị của người hướng dẫn hoặc dựa trên phán đoán của bản thân để tham gia vào công việc trong công đoạn sản xuất sản phẩm gốm sứ

◇ Kỹ năng bao gồm

Sản xuất sản phẩm công nghiệp gốm sứ



Trích từ "Hướng dẫn vận dụng chế độ liên quan đến tư cách lưu trú kỹ năng đặc định trong lĩnh vực ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp" (sửa đổi một phần vào ngày 26 tháng 5 năm 2025)

1-2. Hạng mục công việc mà người nước ngoài có kỹ năng đặc định trong lĩnh vực ngành sản xuất có thể tham gia (8/10)

Số 1

[In ấn/đóng sách]

Hiểu rõ chỉ thị của người hướng dẫn hoặc dựa trên phán đoán của bản thân để tham gia vào công việc trong công đoạn sản xuất in offset, in Rotogravure, đóng sách

◇ Kỹ năng bao gồm

In ấn



Đóng sách



Trích từ "Hướng dẫn vận dụng chế độ liên quan đến tư cách lưu trú kỹ năng đặc định trong lĩnh vực ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp" (sửa đổi một phần vào ngày 26 tháng 5 năm 2025)

1-2. Hạng mục công việc mà người nước ngoài có kỹ năng đặc định trong lĩnh vực ngành sản xuất có thể tham gia (9/10)

Số 1

[Hạng mục Sản xuất sản phẩm dệt may]

Hiểu rõ chỉ thị của người hướng dẫn hoặc dựa trên phán đoán của bản thân để tham gia vào công việc trong công đoạn sản xuất sản phẩm dệt may

◇ Kỹ năng bao gồm

Vận hành kéo sợi		Vận hành dệt		Nhuộm		Sản xuất sản phẩm dệt kim		Sản xuất vải dệt kim sợi dọc	
Sản xuất thảm									

Trích từ "Hướng dẫn vận dụng chế độ liên quan đến tư cách lưu trú kỹ năng đặc định trong lĩnh vực ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp" (sửa đổi một phần vào ngày 26 tháng 5 năm 2025)

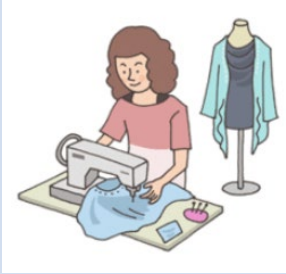





1-2. Hạng mục công việc mà người nước ngoài có kỹ năng đặc định trong lĩnh vực ngành sản xuất có thể tham gia (10/10)

Số 1

[Hạng mục May mặc]

Hiểu rõ chỉ thị của người hướng dẫn hoặc dựa trên phán đoán của bản thân để tham gia vào công việc trong công đoạn may mặc

◇ Kỹ năng bao gồm

Sản xuất quần áo phụ nữ và trẻ em 	Sản xuất quần áo nam 	Sản xuất đồ lót 	Sản xuất bộ đồ giường 	Sản xuất sản phẩm vải canvas 
May vải dệt 	May đệm lót ghế ngồi 			

Trích từ "Hướng dẫn vận dụng chế độ liên quan đến tư cách lưu trú kỹ năng đặc định trong lĩnh vực ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp" (sửa đổi một phần vào ngày 26 tháng 5 năm 2025)

(Tham khảo) Phân loại ngành công nghiệp tiêu chuẩn Nhật Bản của các cơ sở sản xuất có thể tiếp nhận trong lĩnh vực ngành sản xuất

Dùng chung cho số 1 và số 2

11 - Công nghiệp dệt may
141 - Ngành sản xuất bột giấy
1421 - Ngành sản xuất giấy từ bột gỗ
1422 - Ngành sản xuất giấy bìa cứng
1423 - Ngành sản xuất giấy washi bằng máy
1431 - Ngành sản xuất giấy tráng phủ (trừ giấy in)
1432 - Ngành sản xuất thùng carton
144 - Ngành sản xuất các sản phẩm từ giấy
145 - Ngành sản xuất đồ đựng bằng giấy
149 - Các ngành sản xuất bột giấy, giấy và các sản phẩm gia công từ giấy khác
15 - In ấn và các ngành liên quan
18 - Ngành sản xuất sản phẩm nhựa

2123 - Ngành sản xuất sản phẩm bê tông
2142 - Ngành sản xuất sản phẩm gốm sứ dùng trên bàn ăn và trong bếp
2143 - Ngành sản xuất đồ trang trí bằng gốm sứ
2194 - Ngành sản xuất khuôn mẫu (bao gồm cả lõi khuôn)
2211 - Ngành luyện thép bằng lò cao
2212 - Ngành luyện thép không sử dụng lò cao
2221 - Ngành sản xuất thép và luyện cán thép
2231 - Ngành cán nóng (trừ ống thép và thép tái chế)
2232 - Ngành cán nguội (trừ ống thép và thép tái chế cán)
2234 - Ngành sản xuất ống thép
225 - Ngành sản xuất vật liệu định hình sơ bộ thép
2291 - Ngành xẻ băng và cắt tấm thép
2299 - Ngành thép không được phân loại vào nhóm khác (tuy nhiên, chỉ giới hạn trong ngành sản xuất bột sắt).
235 - Ngành sản xuất vật liệu kim loại màu định hình sơ bộ

2422 - Ngành sản xuất dao cụ cơ khí
2424 - Ngành sản xuất dụng cụ lao động
2431 - Ngành sản xuất phụ kiện cho công trình lắp đặt đường ống (trừ van, vòi)
2441 - Ngành sản xuất kết cấu thép
2443 - Ngành sản xuất cửa sổ và cửa ra vào bằng kim loại
2446 - Ngành gia công kim loại tấm thành thùng/bồn (tuy nhiên, chỉ giới hạn trong ngành sản xuất bình chứa hàn dùng cho khí cao áp và bồn chứa khối lượng lớn).
245 - Ngành sản xuất vật liệu kim loại định hình sơ bộ
2461 - Ngành sơn sản phẩm kim loại
2462 - Ngành mạ nhúng nóng (trừ ngành sản xuất thép xử lý bề mặt)
2464 - Ngành mạ điện (trừ ngành sản xuất thép xử lý bề mặt)
2465 - Ngành xử lý nhiệt kim loại
2469 - Ngành xử lý bề mặt kim loại khác (tuy nhiên, chỉ giới hạn trong ngành xử lý Anot hóa nhôm).
248 - Ngành sản xuất bu lông, đai ốc, đinh tán, vít nhỏ, vít gỗ, v.v.
2499 - Ngành sản xuất sản phẩm kim loại không được phân loại vào nhóm khác (tuy nhiên, chỉ giới hạn trong ngành tái chế thùng phuy).
25 - Ngành sản xuất máy móc thiết bị đa dụng (tuy nhiên loại trừ 2591 - Ngành sản xuất thiết bị và hệ thống chữa cháy.)
26 - Ngành sản xuất máy móc thiết bị sản xuất
27 - Ngành sản xuất máy móc thiết bị công nghiệp (tuy nhiên loại trừ 274 Ngành sản xuất máy móc thiết bị y tế và vật tư y tế và 276 Ngành sản xuất vũ khí).
28 - Ngành sản xuất linh kiện, thiết bị điện tử và mạch điện tử
29 - Ngành sản xuất máy móc thiết bị điện cơ (tuy nhiên loại trừ 2922 - Ngành sản xuất thiết bị điện cho động cơ đốt trong).
30 - Ngành sản xuất máy móc thiết bị thông tin viễn thông
3295 - Ngành sản xuất mô hình công nghiệp
3299 - Các ngành sản xuất khác không được phân loại vào nhóm khác (tuy nhiên, chỉ giới hạn trong ngành sản xuất RPF).
484 - Ngành đóng gói

(Tham khảo 1) Tập sách riêng về tổng quan cách vận dụng liên quan đến tiếp nhận người nước ngoài có kỹ năng đặc định trong lĩnh vực đặc định (Hướng dẫn liên quan đến thông báo) (Bộ Tư pháp)

<https://www.moj.go.jp/isa/content/930004946.pdf>

(Tham khảo 2) Phân loại ngành công nghiệp tiêu chuẩn Nhật Bản (thông báo tháng 7 năm 2023) (Phân loại lớn E: Ngành sản xuất) (Phân loại lớn H: Ngành vận tải, ngành bưu chính) (Bộ Nội vụ và Truyền thông)

Hệ thống tìm kiếm e-Stat (<https://www.e-stat.go.jp/classifications/terms/10>)

(Tham khảo) Chân dung nhân lực nước ngoài có kỹ năng đặc định trong lĩnh vực ngành sản xuất và hình dung hình ảnh phát triển nghề nghiệp

Dùng chung cho số 1 và số 2

- **Kỹ năng đặc định số 1** là tư cách lưu trú dành cho nhân lực **tham gia vào công việc yêu cầu kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm ở mức độ tương đương.**
- **Kỹ năng đặc định số 2** là tư cách lưu trú dành cho nhân lực **thực hiện công việc chuyên môn và kỹ thuật cao cấp dựa trên phán đoán của bản thân.**

Năm thứ 10 trở đi
 Học nhiều kỹ năng thành thạo **để trở thành thợ lành nghề**, trở thành leader của nhiều công nhân.
 Sau đó, trong vài năm, học các kỹ năng quản lý công đoạn làm việc, quản lý chất lượng, quản lý giá vốn, v.v., và cuối cùng sẽ trở thành người hỗ trợ nơi sản xuất **với tư cách là cấp quản lý nơi sản xuất hoặc giám đốc nhà máy.**

<Chân dung nhân lực được tìm kiếm cho người nước ngoài có kỹ năng đặc định số 2>

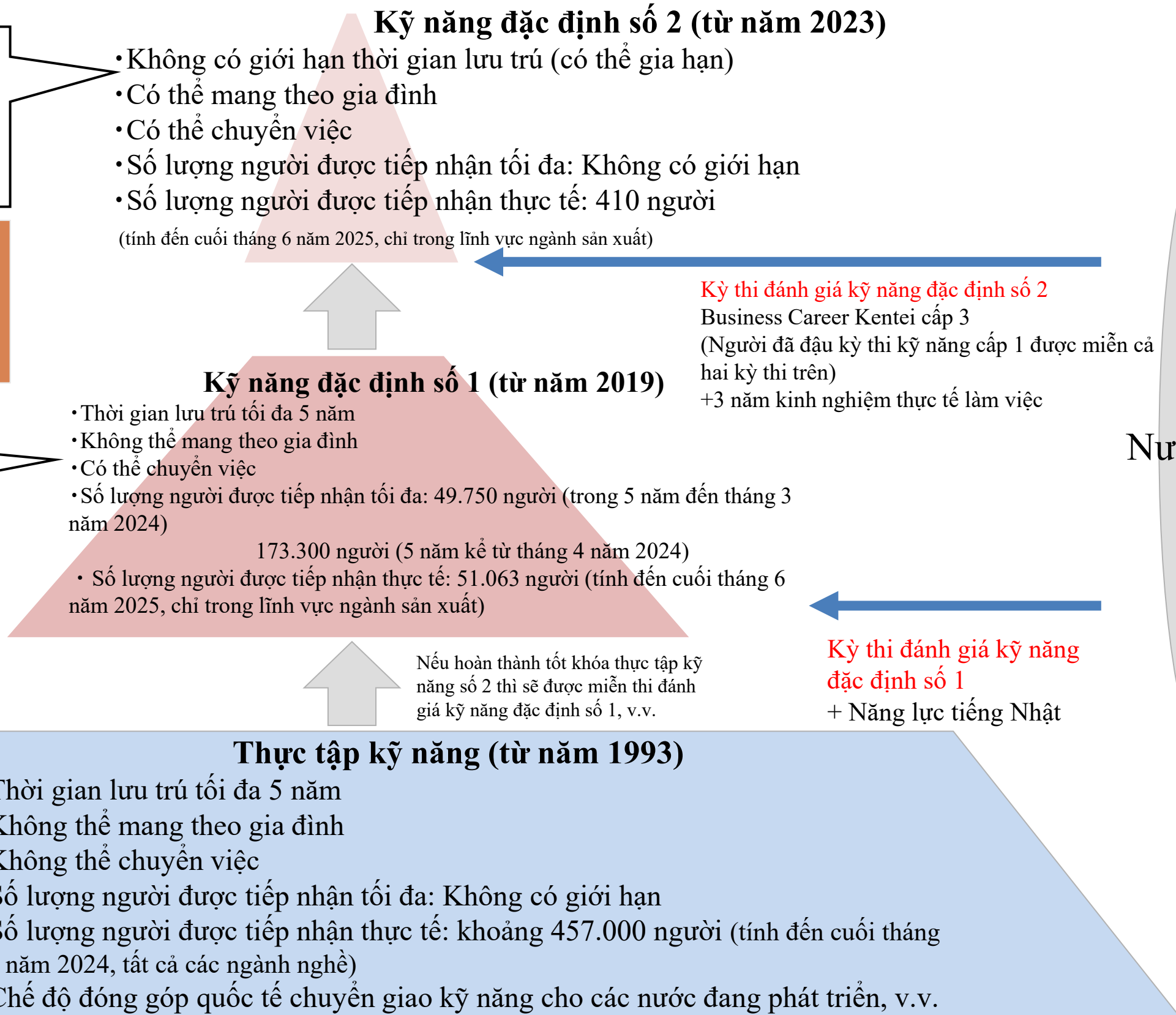
- Nhân lực có thể thực hiện công việc chuyên môn và kỹ thuật cao cấp dựa trên phán đoán của bản thân
- Nhân lực có khả năng quản lý công việc với tư cách là người giám sát, đồng thời có thể thực hiện công việc với kỹ năng thành thạo (hình dung hình ảnh trưởng nhóm, quản đốc)

Năm thứ 4 đến năm thứ 10
 Trong từng hạng mục công việc trong lĩnh vực ngành sản xuất, nhân lực sẽ học các kỹ năng ngoài thời gian của khóa thực tập kỹ năng, **trở thành thợ đa năng** và tích lũy kinh nghiệm.

<Chân dung nhân lực được tìm kiếm cho người nước ngoài có kỹ năng đặc định số 1>

- Nhân lực có thể tham gia vào công việc yêu cầu kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm ở mức độ tương đương để làm việc tại doanh nghiệp sản xuất ở Nhật Bản

Năm thứ nhất đến năm thứ 5
Thực tập đúc gang, máy tiện thông thường, v.v. với tư cách là thợ đơn năng.
 (*Tổng cộng 91 nghề, 168 công việc)



(Tham khảo) Tổng quan về Tổ chức nguồn nhân lực kỹ năng sản xuất sản phẩm công nghiệp (JAIM)

Dùng chung cho số 1 và số 2

Quản lý, hỗ trợ các tổ chức chính trong ngành công nghiệp, doanh nghiệp tiếp nhận và tổ chức và quản lý các kỳ thi kỹ năng, v.v. liên quan đến việc tiếp nhận người nước ngoài có kỹ năng đặc định. Đăng ký với Bộ trưởng Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản với tư cách là "**Pháp nhân thực hiện dự án tiếp nhận người nước ngoài có kỹ năng đặc định**".

Tên gọi	Tổ chức nguồn nhân lực kỹ năng sản xuất sản phẩm công nghiệp Japan Association for Human Resources in Industrial Product Manufacturing (tên viết tắt JAİM)
Thành lập	Ngày 7 tháng 4 năm 2025
Địa chỉ	5-11-2 Toranomom, Minato-ku, Tokyo
Thành viên	Thành viên chính thức: 33 tổ chức ngành sản xuất Thành viên hỗ trợ: Khoảng 7.000 cơ sở sản xuất tiếp nhận người nước ngoài có kỹ năng đặc định (dự kiến ban đầu)
Công việc chính	Soạn đề thi và tổ chức kỳ thi đánh giá kỹ năng, tổ chức khóa luyện thi, thiết lập bộ phận tư vấn đa ngôn ngữ, hỗ trợ các thành viên tuân thủ quy tắc ứng xử, v.v.



Số lượng dự kiến tiếp nhận trong lĩnh vực ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp

173.300 người

*5 năm kể từ tháng 4 năm 2024

Số lượng người nước ngoài có kỹ năng đặc định trong lĩnh vực ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp

Kỹ năng đặc định số 1: 45.183 người

Kỹ năng đặc định số 2: 96 người

*Tính đến cuối tháng 12 năm 2024

Số lượng người đầu kỳ thi đánh giá kỹ năng đặc định trong lĩnh vực sản xuất (lũy kế)

Kỹ năng đặc định số 1: 1.216 người

Kỹ năng đặc định số 2: 1.457 người

*Tính đến cuối tháng 3 năm 2025



1. Tổng quan về chế độ kỹ năng đặc định (lĩnh vực ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp)

2. Quy trình cho đến khi làm việc với tư cách là người nước ngoài có kỹ năng đặc định số 1

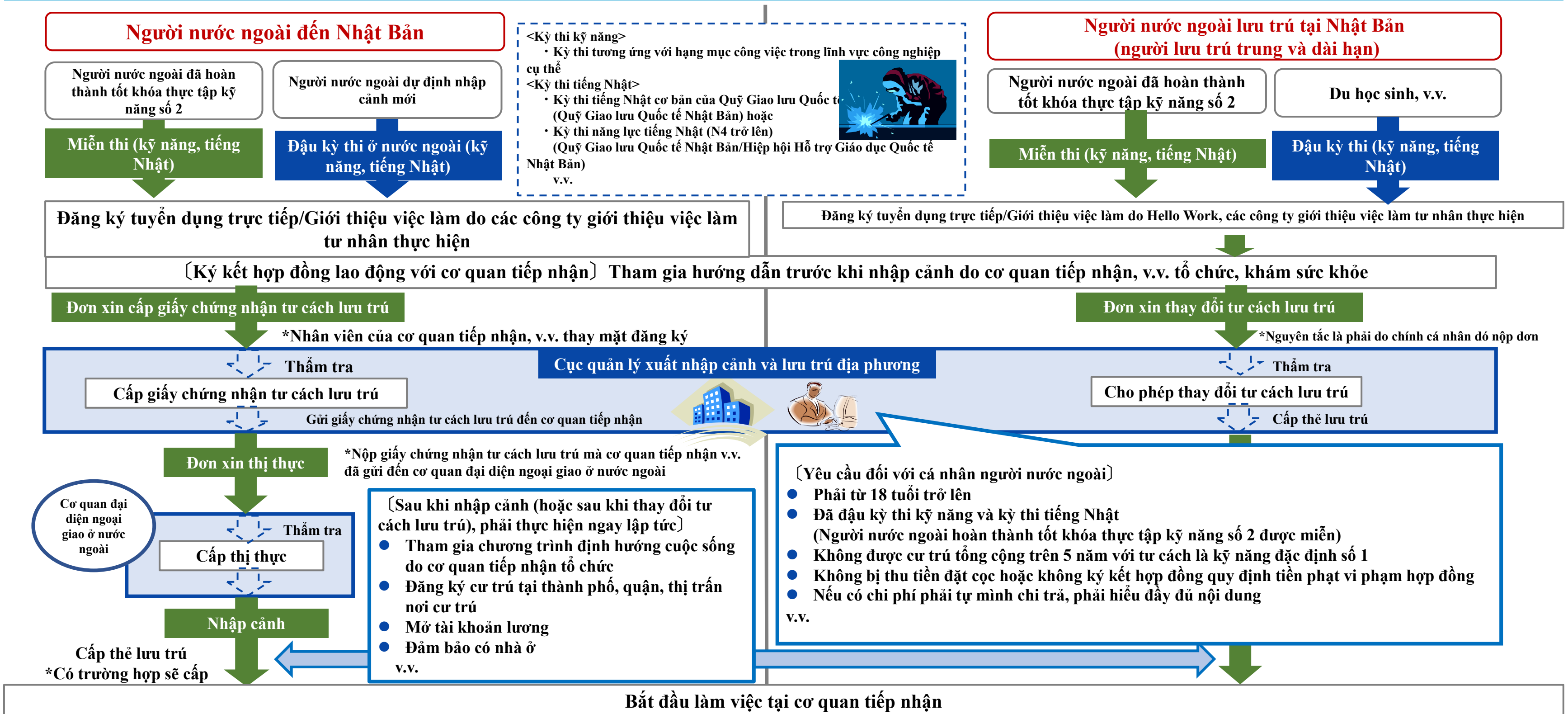
3. Về kỳ thi đánh giá kỹ năng đặc định số 1 trong lĩnh vực sản xuất

4. Về kỳ thi đánh giá kỹ năng đặc định số 2 trong lĩnh vực sản xuất

5. Về bộ phận tư vấn

2. Quy trình cho đến khi làm việc với tư cách là người nước ngoài có kỹ năng đặc định số 1

- Người muốn làm việc với tư cách là người nước ngoài có kỹ năng đặc định số 1 phải đậu kỳ thi liên quan đến kỹ năng và tiếng Nhật từ trước hoặc hoàn thành tốt khóa thực tập kỹ năng số 2.



1. Tổng quan về chế độ kỹ năng đặc định (lĩnh vực ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp)
2. Quy trình cho đến khi làm việc với tư cách là người nước ngoài có kỹ năng đặc định số 1
- 3. Về kỳ thi đánh giá kỹ năng đặc định số 1 trong lĩnh vực sản xuất**
4. Về kỳ thi đánh giá kỹ năng đặc định số 2 trong lĩnh vực sản xuất
5. Về bộ phận tư vấn

3-1. Tổng quan kỳ thi đánh giá kỹ năng đặc định số 1 trong lĩnh vực sản xuất (1/2)

Số 1

- Tổng quan về việc tổ chức kỳ thi đánh giá kỹ năng đặc định số 1 trong lĩnh vực sản xuất như sau.
- Từ năm tài chính 2025, Ấn Độ, Myanmar và Việt Nam đã được thêm mới vào danh sách các quốc gia tổ chức kỳ thi ở nước ngoài.

Hạng mục thi	<ul style="list-style-type: none"> ● 10 hạng mục 																
Địa điểm thi	<ul style="list-style-type: none"> ● Trung tâm thi do Prometric Co., Ltd. (sau đây gọi là "Prometric") cung cấp (Nhật Bản: khắp nước Nhật / Nước ngoài: Indonesia, Philippines, Ấn Độ, Myanmar, Việt Nam) 																
Lịch thi	<ul style="list-style-type: none"> ● Năm tài chính 2025, dự kiến sẽ tổ chức 3 đợt thi (đợt 1 đến đợt 3). <table border="1"> <thead> <tr> <th>Đợt thi</th> <th>Lịch thi</th> <th>Địa điểm tổ chức kỳ thi</th> <th>Hạng mục thi sẽ tổ chức</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Đợt 1</td> <td>Thứ Ba, ngày 1 tháng 7 năm 2025 đến Thứ Hai, ngày 7 tháng 7 năm 2025</td> <td>Nhật Bản và nước ngoài</td> <td>10 hạng mục</td> </tr> <tr> <td>Đợt 2</td> <td>Thứ Ba, ngày 4 tháng 11 năm 2025 đến Thứ Hai, ngày 10 tháng 11 năm 2025</td> <td>Nhật Bản và nước ngoài</td> <td>10 hạng mục</td> </tr> <tr> <td>Đợt 3</td> <td>Khoảng tháng 2 năm 2026 (dự kiến) Hiện đang điều chỉnh. Dự định sẽ hướng dẫn lại một lần nữa về thời gian thi.</td> <td>Nhật Bản và nước ngoài</td> <td>10 hạng mục</td> </tr> </tbody> </table> <p>*Vui lòng kiểm tra thông tin mới nhất trên trang web cổng thông tin.</p>	Đợt thi	Lịch thi	Địa điểm tổ chức kỳ thi	Hạng mục thi sẽ tổ chức	Đợt 1	Thứ Ba, ngày 1 tháng 7 năm 2025 đến Thứ Hai, ngày 7 tháng 7 năm 2025	Nhật Bản và nước ngoài	10 hạng mục	Đợt 2	Thứ Ba, ngày 4 tháng 11 năm 2025 đến Thứ Hai, ngày 10 tháng 11 năm 2025	Nhật Bản và nước ngoài	10 hạng mục	Đợt 3	Khoảng tháng 2 năm 2026 (dự kiến) Hiện đang điều chỉnh. Dự định sẽ hướng dẫn lại một lần nữa về thời gian thi.	Nhật Bản và nước ngoài	10 hạng mục
Đợt thi	Lịch thi	Địa điểm tổ chức kỳ thi	Hạng mục thi sẽ tổ chức														
Đợt 1	Thứ Ba, ngày 1 tháng 7 năm 2025 đến Thứ Hai, ngày 7 tháng 7 năm 2025	Nhật Bản và nước ngoài	10 hạng mục														
Đợt 2	Thứ Ba, ngày 4 tháng 11 năm 2025 đến Thứ Hai, ngày 10 tháng 11 năm 2025	Nhật Bản và nước ngoài	10 hạng mục														
Đợt 3	Khoảng tháng 2 năm 2026 (dự kiến) Hiện đang điều chỉnh. Dự định sẽ hướng dẫn lại một lần nữa về thời gian thi.	Nhật Bản và nước ngoài	10 hạng mục														
Thời gian thi	<ul style="list-style-type: none"> ● Thi lý thuyết và thi thực hành tổng cộng 80 phút 																
Phương thức tổ chức kỳ thi	<ul style="list-style-type: none"> ● Phương pháp CBT (kiểm tra trên máy tính) (lý thuyết, thực hành) 																
Tiêu chuẩn đậu/trượt	<ul style="list-style-type: none"> ● Thi lý thuyết: Tỷ lệ trả lời đúng từ 65% trở lên ● Thi thực hành: Tỷ lệ trả lời đúng từ 60% trở lên 																

3-1. Tổng quan kỳ thi đánh giá kỹ năng đặc định số 1 trong lĩnh vực sản xuất (2/2)

Số 1

- Vui lòng đăng ký thi và kiểm tra kết quả thi trên trang web của Prometric.

Ngôn ngữ	<ul style="list-style-type: none">● Tiếng Nhật
Trình độ kiểm tra	<ul style="list-style-type: none">● Tiêu chuẩn là trình độ kỳ thi kiểm tra kỹ năng cấp 3 dành cho những người đã hoàn thành khóa thực tập kỹ năng số 2 và được miễn thi kỹ năng đặc định số 1. *Đề thi mẫu cũng được đăng trên trang web công thông tin.
Điều kiện dự thi	<ul style="list-style-type: none">● Nguyên tắc là vào ngày thi, người nước ngoài phải từ 17 tuổi trở lên (nếu quốc tịch Indonesia thì phải từ 18 tuổi trở lên) và có ý định làm việc tại Nhật Bản nếu đậu kỳ thi
Đăng ký	<ul style="list-style-type: none">● Đăng ký qua trang web đặt lịch hẹn của Prometric (https://www.prometric-jp.com/ssw/test_list/archives/17)
Lệ phí thi và phí cấp giấy chứng nhận thi đậu	<ul style="list-style-type: none">● Lệ phí thi: 8.000 yên● Phí cấp giấy chứng nhận thi đậu: 15.000 yên
Cách thông báo kết quả thi	<ul style="list-style-type: none">● Đăng nhập vào trang web đặt lịch hẹn của Prometric trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày thi để xác nhận
Đăng ký cấp giấy chứng nhận thi đậu	<ul style="list-style-type: none">● Đăng ký cấp giấy chứng nhận thi đậu qua mẫu đơn chuyên dụng trên trang web công thông tin (có thể đăng ký từ 6 ngày làm việc từ ngày sau ngày thi trở đi) (https://cvt.sswm.go.jp/pass)

3-2. Hạng mục thi đánh giá kỹ năng đặc định số 1 trong lĩnh vực sản xuất

Số 1

● Sẽ tổ chức 10 hạng mục thi.

	Hạng mục Gia công kim loại máy móc	Hạng mục Lắp ráp thiết bị điện và điện tử	Hạng mục Xử lý bề mặt kim loại				
Hạng mục công việc	Gia công kim loại máy móc (Hiểu rõ chỉ thị của người hướng dẫn hoặc dựa trên phán đoán của bản thân để tham gia vào công việc trong công đoạn sản xuất các sản phẩm vật liệu định hình sơ bộ, máy móc công nghiệp, v.v.)	Lắp ráp thiết bị điện và điện tử (Hiểu rõ chỉ thị của người hướng dẫn hoặc dựa trên phán đoán của bản thân để tham gia vào công việc trong công đoạn lắp ráp thiết bị điện và điện tử, v.v.)	Xử lý bề mặt kim loại (Hiểu rõ chỉ thị của người hướng dẫn hoặc dựa trên phán đoán của bản thân để tham gia vào công việc xử lý bề mặt, v.v.)				
Kỹ năng bao gồm	Đúc, rèn, đúc áp lực, gia công cơ khí, gia công dập kim loại, chế tạo đồ sắt, gia công tấm kim loại, xử lý hoàn thiện, đúc nhựa, kiểm tra máy móc, bảo trì máy móc, lắp ráp thiết bị điện, sơn, hàn, đóng gói công nghiệp, đúc nhựa gia cường, xử lý nhiệt kim loại	Gia công cơ khí, xử lý hoàn thiện, đúc nhựa, chế tạo bảng mạch in, lắp ráp thiết bị điện tử, lắp ráp thiết bị điện, kiểm tra máy móc, bảo trì máy móc, đóng gói công nghiệp, đúc nhựa gia cường	Mạ, xử lý Anot hóa nhôm				
	Hạng mục Sản xuất đồ đựng bằng giấy/thùng carton	Hạng mục Sản xuất sản phẩm bê tông	Hạng mục Sản xuất RPF	Hạng mục Sản xuất sản phẩm gốm sứ	Hạng mục In ấn/đóng sách	Hạng mục Sản xuất sản phẩm dệt may	Hạng mục May mặc
Hạng mục công việc	Sản xuất đồ đựng bằng giấy/thùng carton (Hiểu rõ chỉ thị của người hướng dẫn hoặc dựa trên phán đoán của bản thân để tham gia vào công việc trong công đoạn sản xuất đồ đựng bằng giấy/thùng carton)	Sản xuất sản phẩm bê tông (Hiểu rõ chỉ thị của người hướng dẫn hoặc dựa trên phán đoán của bản thân để tham gia vào công việc trong công đoạn sản xuất sản phẩm bê tông)	Sản xuất RPF (Hiểu rõ chỉ thị của người hướng dẫn hoặc dựa trên phán đoán của bản thân để tham gia vào công việc nghiền, tạo hình, v.v.)	Sản xuất sản phẩm gốm sứ (Hiểu rõ chỉ thị của người hướng dẫn hoặc dựa trên phán đoán của bản thân để tham gia vào công việc trong công đoạn sản xuất sản phẩm gốm sứ)	In ấn/đóng sách (Hiểu rõ chỉ thị của người hướng dẫn hoặc dựa trên phán đoán của bản thân để tham gia vào công việc trong công đoạn sản xuất in offset, in Rotogravure, đóng sách)	Sản xuất sản phẩm dệt may (Hiểu rõ chỉ thị của người hướng dẫn hoặc dựa trên phán đoán của bản thân để tham gia vào công việc trong công đoạn sản xuất sản phẩm dệt may)	May mặc (Hiểu rõ chỉ thị của người hướng dẫn hoặc dựa trên phán đoán của bản thân để tham gia vào công việc trong công đoạn may mặc)
Kỹ năng bao gồm	Sản xuất đồ đựng bằng giấy/thùng carton	Sản xuất sản phẩm bê tông	Sản xuất RPF	Sản xuất sản phẩm công nghiệp gốm sứ	In ấn/đóng sách	Vận hành kéo sợi, vận hành dệt, nhuộm, sản xuất sản phẩm dệt kim, sản xuất vải dệt kim sợi dọc, sản xuất thảm	Sản xuất quần áo phụ nữ và trẻ em, sản xuất quần áo nam, sản xuất đồ lót, sản xuất bộ đồ giường, sản xuất sản phẩm vải canvas, may vải dệt, may đệm lót ghế ngồi

3-3. Nội dung kỳ thi đánh giá kỹ năng đặc định số 1 trong lĩnh vực sản xuất, v.v.

- Đối với câu hỏi thi lý thuyết, chọn đúng (○) hoặc sai (×) cho nội dung câu hỏi.
- Khi thi thực hành, thí sinh sẽ đọc nội dung liên quan đến công đoạn làm việc và vật liệu thực tế, sau đó chọn câu trả lời đúng.
- Đề thi mẫu được công bố trên trang web cổng thông tin.
- <https://www.sswm.go.jp/exam/materials/#ssw1>



<Phạm vi ra đề và đề thi mẫu (ví dụ về hạng mục Gia công kim loại máy móc)>

サンプル問題 (機械金属加工区分)		
1. 主な出題範囲		
項目	問題数	※配分は目安です
学科		計30問
製造分野全般	「安全衛生、品質管理」・「一般教養」・ 「法令、規格、器具」など	10問
機械金属加工区分	「安全衛生、品質管理」・「機械工作法、 機械、器具」・「材料」・「検査・測定」・ 「製図」など	20問
実技		計10問
安全衛生		2問
品質管理		2問
検査		2問
測定		2問
製図		2問


機械金属加工区分 学科試験

問題1 から問題30 について、正しい場合は A を、間違っている場合は B を選びなさい。

(共通：安全衛生、品質管理)

問題1 作業に対する意識として、作業中は常に危険と隣り合わせであることを認識し注意する。



問題2 日本産業規格(JIS)に定められた下の図記号は、「上り段差に注意」のマークである。



問題3 作業に使う機械や道具を作業の前に点検する必要はない。

問題4 パレート図は、データを項目ごとに分類して大きい方から順番に並べた円グラフである。

- Về kỳ thi tiếng Nhật, vui lòng dự thi riêng theo hướng dẫn dưới đây.
- Tuy nhiên, nếu đã hoàn thành tốt khóa thực tập kỹ năng số 2, thì sẽ được miễn thi tiếng Nhật.

Trình độ tiếng Nhật	<ul style="list-style-type: none">● Năng lực tiếng Nhật cơ bản ở mức có thể trò chuyện hàng ngày ở mức độ nhất định, không gặp trở ngại trong cuộc sống và ở mức cần thiết cho công việc
Kỳ thi (một trong hai kỳ thi ở bên phải)	<p>① <u>Đậu kỳ thi tiếng Nhật cơ bản của Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản</u> https://www.jpf.go.jp/jft-basic/index.html </p> <p>② <u>Lấy chứng chỉ năng lực tiếng Nhật N4 trở lên</u> https://www.jlpt.jp/ </p> <p>※ Cho dù đã đậu các kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Nhật khác ngoài những kỳ thi nêu trên đi nữa, cũng không thể dùng các chứng chỉ đó để chứng minh năng lực tiếng Nhật mà chế độ kỹ năng đặc định yêu cầu.</p>
Trường hợp được miễn trừ	<ul style="list-style-type: none">● Tuy nhiên, trong lĩnh vực ngành sản xuất và các ngành nghề, công việc khác, nếu đã hoàn thành tốt khóa thực tập kỹ năng số 2, thì sẽ được miễn thi tiếng Nhật.

3-4. Về việc đăng ký cấp giấy chứng nhận thi đậu

- Có thể đăng ký nhận giấy chứng nhận thi đậu bằng mẫu đơn chuyên dụng trên trang web cổng thông tin từ 6 ngày làm việc từ ngày sau ngày thi trở đi.
Số 1: https://www.sswm.go.jp/exam_f/examination_procedure.html
Số 2: https://www.sswm.go.jp/exam_f_02/examination_procedure.html
- Lệ phí cấp giấy chứng nhận thi đậu (15.000 yên) là bắt buộc (bao gồm cả cấp lại).
- Lưu ý, chúng tôi tiếp tục tiếp nhận yêu cầu cấp giấy chứng nhận thi đậu của những người thi đậu trước năm tài chính 2021 qua email.

Thông tin về người thi đậu

- Loại kỳ thi (Số 1 • Số 2/PBT • CBT)
- ID Prometric
- Số báo danh
- Địa chỉ email
- Họ và tên
- Ngày tháng năm sinh
- Quốc tịch

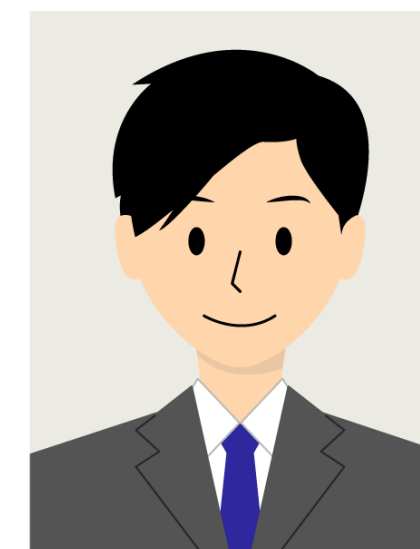
Giấy tờ chứng minh danh tính



(Ví dụ)

- Nhật Bản: Thẻ lưu trú
- Indonesia: Hộ chiếu, thẻ căn cước KTP
- Thái Lan: Hộ chiếu, thẻ căn cước công dân
- Philippines: Hộ chiếu, thẻ căn cước công dân, thẻ UMID, giấy phép lái xe
- Nepal: Hộ chiếu, giấy chứng nhận công dân

Dữ liệu ảnh khuôn mặt



1. Tổng quan về chế độ kỹ năng đặc định (lĩnh vực ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp)
2. Quy trình cho đến khi làm việc với tư cách là người nước ngoài có kỹ năng đặc định số 1
3. Về kỳ thi đánh giá kỹ năng đặc định số 1 trong lĩnh vực sản xuất
- 4. Về kỳ thi đánh giá kỹ năng đặc định số 2 trong lĩnh vực sản xuất**
5. Về bộ phận tư vấn

4-1. Tổng quan kỳ thi đánh giá kỹ năng đặc định số 2 trong lĩnh vực sản xuất (1/2)

- Tổng quan về việc tổ chức kỳ thi đánh giá kỹ năng đặc định số 2 trong lĩnh vực sản xuất như sau.
- Vui lòng kiểm tra thông tin mới nhất trên trang web công thông tin.

<p>Hạng mục thi</p>	<ul style="list-style-type: none"> ● Tất cả 3 hạng mục <table border="1" data-bbox="859 545 3168 859"> <thead> <tr> <th></th> <th>① Hạng mục Gia công kim loại máy móc</th> <th>② Hạng mục Lắp ráp thiết bị điện và điện tử</th> <th>③ Hạng mục Xử lý bề mặt kim loại</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Kỹ năng bao gồm</td> <td>Đúc, rèn, đúc áp lực, gia công cơ khí, gia công dập kim loại, chế tạo đồ sắt, gia công tấm kim loại, xử lý hoàn thiện, đúc nhựa, kiểm tra máy móc, bảo trì máy móc, lắp ráp thiết bị điện, sơn, hàn, đóng gói công nghiệp, đúc nhựa gia cường, xử lý nhiệt kim loại</td> <td>Gia công cơ khí, xử lý hoàn thiện, đúc nhựa, chế tạo bảng mạch in, lắp ráp thiết bị điện tử, lắp ráp thiết bị điện, kiểm tra máy móc, bảo trì máy móc, đóng gói công nghiệp, đúc nhựa gia cường</td> <td>Mạ, xử lý Anot hóa nhôm</td> </tr> </tbody> </table>		① Hạng mục Gia công kim loại máy móc	② Hạng mục Lắp ráp thiết bị điện và điện tử	③ Hạng mục Xử lý bề mặt kim loại	Kỹ năng bao gồm	Đúc, rèn, đúc áp lực, gia công cơ khí, gia công dập kim loại, chế tạo đồ sắt, gia công tấm kim loại, xử lý hoàn thiện, đúc nhựa, kiểm tra máy móc, bảo trì máy móc, lắp ráp thiết bị điện, sơn, hàn, đóng gói công nghiệp, đúc nhựa gia cường, xử lý nhiệt kim loại	Gia công cơ khí, xử lý hoàn thiện, đúc nhựa, chế tạo bảng mạch in, lắp ráp thiết bị điện tử, lắp ráp thiết bị điện, kiểm tra máy móc, bảo trì máy móc, đóng gói công nghiệp, đúc nhựa gia cường	Mạ, xử lý Anot hóa nhôm
	① Hạng mục Gia công kim loại máy móc	② Hạng mục Lắp ráp thiết bị điện và điện tử	③ Hạng mục Xử lý bề mặt kim loại						
Kỹ năng bao gồm	Đúc, rèn, đúc áp lực, gia công cơ khí, gia công dập kim loại, chế tạo đồ sắt, gia công tấm kim loại, xử lý hoàn thiện, đúc nhựa, kiểm tra máy móc, bảo trì máy móc, lắp ráp thiết bị điện, sơn, hàn, đóng gói công nghiệp, đúc nhựa gia cường, xử lý nhiệt kim loại	Gia công cơ khí, xử lý hoàn thiện, đúc nhựa, chế tạo bảng mạch in, lắp ráp thiết bị điện tử, lắp ráp thiết bị điện, kiểm tra máy móc, bảo trì máy móc, đóng gói công nghiệp, đúc nhựa gia cường	Mạ, xử lý Anot hóa nhôm						
<p>Địa điểm thi</p>	<ul style="list-style-type: none"> ● Trung tâm thi do Prometric cung cấp (Trong nước Nhật: khắp Nhật Bản) 								
<p>Lịch thi</p>	<ul style="list-style-type: none"> ● Lịch tổ chức thi năm tài chính 2025 như sau *Chỉ có thể thi tại Nhật Bản <table border="1" data-bbox="859 1076 3168 1446"> <thead> <tr> <th>Đợt thi</th> <th>Lịch thi</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Đợt 1</td> <td>Thứ Ba, ngày 1 tháng 7 năm 2025 đến Thứ Hai, ngày 7 tháng 7 năm 2025</td> </tr> <tr> <td>Đợt 2</td> <td>Thứ Ba, ngày 4 tháng 11 năm 2025 đến Thứ Hai, ngày 10 tháng 11 năm 2025</td> </tr> <tr> <td>Đợt 3</td> <td>Khoảng tháng 2 năm 2026 (dự kiến) Hiện đang điều chỉnh. Dự định sẽ hướng dẫn lại một lần nữa về thời gian thi.</td> </tr> </tbody> </table>	Đợt thi	Lịch thi	Đợt 1	Thứ Ba, ngày 1 tháng 7 năm 2025 đến Thứ Hai, ngày 7 tháng 7 năm 2025	Đợt 2	Thứ Ba, ngày 4 tháng 11 năm 2025 đến Thứ Hai, ngày 10 tháng 11 năm 2025	Đợt 3	Khoảng tháng 2 năm 2026 (dự kiến) Hiện đang điều chỉnh. Dự định sẽ hướng dẫn lại một lần nữa về thời gian thi.
Đợt thi	Lịch thi								
Đợt 1	Thứ Ba, ngày 1 tháng 7 năm 2025 đến Thứ Hai, ngày 7 tháng 7 năm 2025								
Đợt 2	Thứ Ba, ngày 4 tháng 11 năm 2025 đến Thứ Hai, ngày 10 tháng 11 năm 2025								
Đợt 3	Khoảng tháng 2 năm 2026 (dự kiến) Hiện đang điều chỉnh. Dự định sẽ hướng dẫn lại một lần nữa về thời gian thi.								
<p>Thời gian thi</p>	<ul style="list-style-type: none"> ● Chỉ thi thực hành 60 phút *Thi lý thuyết là Business Career Kentei cấp 3 								
<p>Phương thức tổ chức kỳ thi</p>	<ul style="list-style-type: none"> ● Phương pháp CBT (kiểm tra trên máy tính) 								
<p>Trình độ kiểm tra</p>	<ul style="list-style-type: none"> ● Tỷ lệ trả lời đúng từ 60% trở lên 								

4-1. Tổng quan kỳ thi đánh giá kỹ năng đặc định số 2 trong lĩnh vực sản xuất (2/2)

Số 2

- Tổng quan về việc tổ chức kỳ thi đánh giá kỹ năng đặc định số 2 trong lĩnh vực sản xuất như sau.
- Vui lòng kiểm tra thông tin mới nhất trên trang web công thông tin.

Ngôn ngữ	■ Tiếng Nhật
Trình độ kiểm tra	■ Dựa trên việc người nước ngoài có kỹ năng đặc định số 2 cần có trình độ chuyên môn và kỹ năng cao tương đương hoặc cao hơn so với người nước ngoài có tư cách lưu trú trong lĩnh vực chuyên môn và kỹ thuật hiện hành, tiêu chuẩn được đặt ra là trình độ kỳ thi kiểm tra kỹ năng cấp 1
Điều kiện dự thi	■ Nguyên tắc là vào ngày thi, người nước ngoài phải từ 17 tuổi trở lên* và có ý định làm việc tại Nhật Bản nếu đậu kỳ thi *Nếu quốc tịch Indonesia thì từ 18 tuổi trở lên ■ Cần nộp "Giấy chứng nhận kinh nghiệm làm việc thực tế" chứng minh "có ít nhất 3 năm kinh nghiệm làm việc thực tế tại nơi làm việc trong ngành sản xuất của doanh nghiệp có chi nhánh tại Nhật Bản". Vui lòng nộp các giấy tờ đã được điền khi đăng ký. *Về giấy chứng nhận kinh nghiệm làm việc thực tế https://www.sswm.go.jp/exam_f_02/examination_index.html#a01
Đăng ký	■ Đăng ký qua trang web đặt lịch hẹn của Prometric https://www.prometric-jp.com/ssw/test_list/archives/18
Lệ phí thi và phí cấp giấy chứng nhận thi đậu	■ Lệ phí thi: 15.000 yên ■ Phí cấp giấy chứng nhận thi đậu: 15.000 yên
Cách thông báo kết quả thi	■ Đăng nhập vào trang web đặt lịch hẹn của Prometric trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày thi để xác nhận
Đăng ký cấp giấy chứng nhận thi đậu	■ Đăng ký cấp giấy chứng nhận thi đậu qua mẫu đơn chuyên dụng trên trang web công thông tin (có thể đăng ký từ 6 ngày làm việc từ ngày sau ngày thi trở đi) (https://cbt.sswm.go.jp/pass)

4-2. Nội dung kỳ thi đánh giá kỹ năng đặc định số 2 trong lĩnh vực sản xuất, v.v.

- Đây là kỳ thi trong đó thí sinh sẽ đọc nội dung liên quan đến công đoạn làm việc và vật liệu thực tế, sau đó chọn câu trả lời đúng.
- Giáo trình tham khảo dùng cho việc học được công bố trên trang web công thông tin.

<https://www.sswm.go.jp/exam/materials/#ssw2>



<Phạm vi ra đề và giáo trình tham khảo dùng cho việc học (ví dụ về hạng mục Gia công kim loại máy móc)>

きかいきんぞくかこうくふん しゅつだいはんいとう
機械金属加工区分の出題範囲等

項目	内容	問題数 ※配分は目安
安全衛生	安全衛生管理が具体的にできること	4問
品質管理	品質管理が具体的にできること	4問
検査	機械金属関連の作業について、検査ができること	4問
測定	機械金属関連の作業について、測定ができること	4問
製図	機械金属関連の作業について、製図ができること	4問
標準作業 (応用問題)	機械金属関連の作業について、総合的な対応ができること	4問
機械の操作・ 管理	機械加工、仕上げ、機械検査、機械保全のいずれかに関する作業の知識を有すること	2問
金属材料、 金属加工	鑄造、鍛造、ダイカスト、金属プレス加工、鉄工、工場板金、溶接、金属熱処理のいずれかに関する作業の知識を有すること	2問
その他	電気機器組立て、プラスチック成形、強化プラスチック成形、塗装、工業包装のいずれかに関する作業の知識を有すること	2問
		計30問

4. 正解と解説
【項目：安全衛生】

<キーワード>
3S・4S・5S、3M、労働災害防止、安全活動、作業服・保護具、KYT（危険予知訓練）、設備の安全管理、警告ラベル、労働安全衛生法、労働衛生基準

問題1
正解：B

解説
✓ 製造業の現場において、「5S（整理・整頓・清掃・清潔・しつけ）」は重要であり、常に心がけておく。
✓ 転倒の原因にもなるため、通路に材料を置いてはいけない。

問題2
正解：A

解説
✓ 正しい姿勢で作業することにより、腰への負担を軽減できる。
✓ 重いものを持ち上げるときは、できるだけ体を対象物に近づけ、腰（重心）を低くする姿勢をとる。
✓ 2人以上の場合は、できるだけ身長差のない人同士で行う。

<正しい姿勢> <間違った姿勢>

(国の出所) 厚生労働省「職場における腰痛予防対策指針及び解説」
https://www.mhlw.go.jp/stf/houdou/2r9852000034e4-att/2r9852000034e4c_1.pdf

1. Tổng quan về chế độ kỹ năng đặc định (lĩnh vực ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp)
2. Quy trình cho đến khi làm việc với tư cách là người nước ngoài có kỹ năng đặc định số 1
3. Về kỳ thi đánh giá kỹ năng đặc định số 1 trong lĩnh vực sản xuất
4. Về kỳ thi đánh giá kỹ năng đặc định số 2 trong lĩnh vực sản xuất
- 5. Về bộ phận tư vấn**

5. Về bộ phận tư vấn trong lĩnh vực ngành sản xuất



**Bộ phận tư vấn dành cho nguồn nhân lực nước ngoài có kỹ năng đặc định
trong ngành sản xuất**



Tổng đài

 **Điện thoại: 050-2018-6773** (dành cho nhân lực nước ngoài) (Tham khảo) **03-6838-0058** (dành cho doanh nghiệp tiếp nhận)

 **Email: seizou_tokuteiginou_soudanmadoguchi@injestar.co.jp**

Hỗ trợ tiếng Nhật, tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Việt, tiếng Indonesia và tiếng Thái

 **Trang web công thông tin <https://www.sswm.go.jp/>**





一般社団法人 Japan Association for Human Resources
in Industrial Product Manufacturing

工業製品製造技能人材機構